

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2022/HC-PT

Ngày 04 tháng 7 năm 2022

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý Nhà nước về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

Ông Tô Chánh Trung

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên .

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 165/2021/TLPT-HC ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2021/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 997/2022/QĐPT-HC ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 943 đường 30/4, Phường 1x, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Trọng Quang T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 142/24 đường N, Phường X, Quận 1X, thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số 7 đường số X, khu dân cư T, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố V (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (vắng mặt). Địa chỉ: Số 89 đường Lý Thường Kiệt, Phường 01, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố V: Ông Nguyễn Thanh P - Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt) .

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Địa chỉ: Số 01 đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phan Văn M - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- Ông Hồ Việt Phước T - Chuyên viên Chi cục quản lý đất đai (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945. Địa chỉ: Số 943 đường 30/4, Phường 1x, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân Phường 1X. Địa chỉ: Số 1020 đường 30/4, Phường 1x, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người kháng cáo: Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 29-01-2016, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 391/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị N - Lê Thị H, địa chỉ 943 đường 30/4, Phường 1x, thuộc công trình cải tạo, nâng cấp đường 30/4 phường 1x, thành phố V (Quyết định 391). Nội dung của Quyết định đã thu hồi diện tích đất 22,6 m², số thửa 07 (cũ 80), số tờ bản đồ 38 (cũ 35) mà không bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc xây dựng trên đất cho hộ bà N, bà H.

Bà N và bà H không đồng ý với việc thu hồi đất nhưng không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất đã làm đơn khiếu nại Quyết định 391. Ngày 05-12-2017, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6344/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại của bà N và bà H (Quyết định 6344), giữ nguyên Quyết định 391.

Bà H tiếp tục làm đơn khiếu nại yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất. Ngày 05-5-2020, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1105/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại của bà H (Quyết định 1105).

Vì vậy, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2016 của UBND thành phố V.

- Hủy Quyết định số 6344/QĐ-UBND ngày 05-12-2017 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Hủy Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 05-5-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Diện tích đất bị thu hồi 22,6 m² thuộc thửa đất số 07 (cũ 80), tờ bản đồ số 38 (cũ 35) tọa lạc tại Phường 1x, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là 01 phần trong tổng diện tích đất 570 m² do cha mẹ của bà H là ông Lê B và bà Huỳnh Thị K nhận chuyển nhượng từ bà Kim Thị G vào năm 1976, được UBND phường Phước Thắng xác nhận trong giấy ủy quyền ngày 16/6/1978. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, gia đình ông Lê B đã dựng 01 căn nhà vách ván, mái tôn ngay trong năm 1976. Đến năm 1987, gia đình ông Lê B xây sửa lại nhà và ở ổn định cho đến nay.

Năm 1993, bà Huỳnh Thị K đi đăng ký kê khai và có tên trong sổ mục kê theo diện tích đo đạc thực tế là 584m². Năm 1994, ông Kim C (cha của bà Kim Thị G) cho thêm gia đình ông Lê B diện tích đất 61,7m² nên diện tích đất gia đình ông Lê B sử dụng là 645,7m². Sau khi ông Lê B, bà Huỳnh Thị K chết thì bà H và bà N là con gái ông Lê B, bà Huỳnh Thị K tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất trên. Năm 2002, bà N đi đăng ký kê khai và có tên trong sổ mục kê diện tích là 645,7m².

Như vậy, diện tích đất thu hồi 22,6 m² có nguồn gốc do ông Lê B, bà Huỳnh Thị K nhận chuyển nhượng hợp pháp từ năm 1976, sau đó xây nhà ở và sử dụng liên tục, ổn định cho đến khi thu hồi đất nên đủ điều kiện bồi thường. UBND thành phố V thu hồi đất nhưng không bồi thường đất và tài sản trên đất cho bà N và bà H là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 391, Quyết định 6344 và Quyết định 1105.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi, bồi thường đất và bồi thường tài sản trên đất cho bà N và bà H đối với diện tích đất 22,6 m² theo quy định của pháp luật.

Ý kiến trình bày của người bị kiện:

1. Ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V:

Nhà đất tại địa chỉ số 943 đường 30/4, Phường 1x, thành phố V mà bà Nguyễn Thị N - Lê Thị H đang sử dụng có nguồn gốc do ông Lê B, bà Huỳnh Thị K (là bố mẹ của bà Lê Thị H) nhận chuyển nhượng từ bà Kim Thị G vào năm 1976, được UBND phường Phước Thắng xác nhận ngày 16/6/1978, diện tích chuyển nhượng là 570 m².

Năm 1993, bà Huỳnh Thị K đứng tên kê khai sử dụng đất tại Sổ Mục kê Phường 11 với diện tích đo đạc lại là 584 m², loại đất “TC + nhân” thuộc thửa 80, tờ bản đồ 35 (theo Sổ Mục kê Phường 11 năm 2002 thì bà N đứng tên đăng ký sử dụng với diện tích 645,7 m², loại đất “T+M” thửa mới số 07, tờ bản đồ mới số 38).

Sau khi ông Lê B, bà Huỳnh Thị K chết không để lại di chúc thì ngày 30/9/2005, gia đình họp đồng ý để lại cho bà N, bà H. Hiện trạng trên đất có nhà ở làm từ năm 1976.

Ngày 05/10/2005, bà N và bà H làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ), Phòng Tài nguyên và Môi trường thành Phố Vũng Tàu xác nhận ngày 02/6/2011 đủ điều kiện cấp giấy diện tích 645,7m² gồm 450 m² đất ở và 196,7m² đất nông nghiệp. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ nhận thấy có

vấn đề về trong thủ tục thừa kế nên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã lập thủ tục trả lại hồ sơ cho bà N và bà H.

Theo kết quả xác minh thì diện tích đất 22,6 m² không thuộc diện tích 570m² ông Lê B, bà Huỳnh Thị K nhận chuyển nhượng từ bà Kim Thị G năm 1976, nằm ngoài diện tích đất 584 m² do bà Huỳnh Thị K kê khai đăng ký năm 1993, là đất giao thông do nhà nước quản lý. Diện tích đất 22,6 m² không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ nên không được bồi thường về đất và tài sản trên đất. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành Phố Vũng Tàu cũng đã có Thông báo số 4681/TB-TNMT ngày 21-10-2019, hủy bỏ nội dung xác nhận đối với hồ sơ xin cấp Giấy CNQSDĐ của bà N, bà H.

Căn cứ khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, UBND thành phố V ban hành Quyết định 391/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6344/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

2. Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh B:

Thông nhất với ý kiến của UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V về nguồn gốc, quá trình sử dụng và xin cấp Giấy CNQSDĐ đối với nhà đất tại địa chỉ số 943 đường 30/4, Phường 1x, thành phố V.

Diện tích đất thu hồi 22,6 m² thuộc quy hoạch mở rộng đường 30/4 được phê duyệt tại Quyết định số 9399/QĐ-UBND ngày 25-11-2002 của UBND tỉnh B, nằm ngoài diện tích nhận chuyển nhượng từ bà Kim Thị G vào năm 1976, nằm ngoài diện tích đất kê khai đăng ký năm 1993 và việc sử dụng đất là lấn chiếm đường giao thông, không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ nên không được bồi thường về đất. Đối với vật kiến trúc trên đất được tạo lập trái quy định của pháp luật nên cũng không được bồi thường.

Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định 1105/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của bà H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 92 và khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Đơn khởi kiện của bà H không có tình tiết gì mới làm thay đổi bản chất vụ việc nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị N: Bà N thống nhất với ý kiến bà Lê Thị H, không bổ sung gì thêm.

2. Ý kiến trình bày của UBND phường 1x, thành phố V: UBND Phường 1x xin vắng mặt (không gửi ý kiến trình bày về việc giải quyết vụ án).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2021/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H:

Hủy Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V;

Hủy Quyết định số 6344/QĐ-UBND ngày 05-12-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V;

Hủy Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 05-5-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi, bồi thường về đất và tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị N và bà Lê Thị H đối với diện tích đất 22,6 m² thuộc thửa 07, tờ bản đồ số 38 (thửa cũ 80, tờ bản đồ cũ 35) tại số 943 đường 30/4, Phường 1x, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Ngày 20/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận được đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V đối với bản án sơ thẩm số 63/2021/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, yêu cầu: Bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị H, hủy Bản án sơ thẩm số 63/2021/HC-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giữ nguyên Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND thành phố V; Quyết định số 6344/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện – Ủy ban nhân dân thành phố V vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huệ. Lý do: Diện tích đất thu hồi 22,6 m² thuộc quy hoạch mở rộng đường 30/4 được phê duyệt tại Quyết định số 9399/QĐ-UBND ngày 25-11-2002 của UBND tỉnh B, nằm ngoài diện tích nhận chuyển nhượng từ bà Kim Thị G vào năm 1976, nằm ngoài diện tích đất kê khai đăng ký năm 1993 và việc sử dụng đất là lấn chiếm đường giao thông, không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ nên không được bồi thường về đất. Đối với vật kiến trúc trên đất được tạo lập trái quy định của pháp luật nên cũng không được bồi thường.

- Người khởi kiện - bà Lê Thị H trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V, vì diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà 22,6 m² mà Ủy ban nhân dân thành phố V thu hồi có nguồn gốc do cha mẹ bà là ông Lê B, bà Huỳnh Thị K nhận chuyển nhượng hợp pháp từ năm 1976, sau đó xây nhà ở và sử dụng liên tục, ổn định cho đến khi thu hồi đất nên đủ điều kiện bồi thường. Việc UBND thành phố V thu hồi đất nhưng không bồi thường đất và tài sản trên đất cho bà H và bà N là không đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 63/2021/HC-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phần tranh luận:

- Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện – Ủy ban nhân dân thành phố V: vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm đã trình bày tại yêu cầu kháng cáo nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

- Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện- UBND tỉnh B: Hiện trạng thực tế như biên bản thẩm định của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu. Thông báo số 4681/TB-TNMT về việc hủy bỏ nội dung xác nhận đối với hồ sơ xin cấp Giấy CNQSDĐ của bà N, bà H là do hồ sơ xin cấp giấy ngoài việc thiếu đồng thừa kế thì diện tích 22,6 m² tăng thêm phải được UBND phường xác nhận, thì năm 2014 UBND phường 1X đã xác nhận phần đất này nằm trong diện tích giao thông. UBND tỉnh B đã căn cứ vào xác nhận của UBND thành phố V là phần đất 22,6 m² thuộc đường giao thông nên không chấp nhận khiếu nại,

- Người khởi kiện – bà Lê Thị H tranh luận: không đồng ý với ý kiến tranh luận của người bị kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. UBND thành phố V kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 63/2021/HC-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố V hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện gồm Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, Ủy ban nhân dân tỉnh B vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

gồm bà Nguyễn Thị N, UBND phường 1x, thành phố V vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định hành chính số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2016 của UBND thành phố V về thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường; Quyết định số 6344/QĐ-UBND ngày 05-12-2017 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà Lê Thị H; Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 05-5-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với bà Lê Thị H. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[4] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện:

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính bị khiếu kiện: Quyết định 391 của UBND thành phố V, Quyết định 6344 của Chủ tịch UBND thành phố V và Quyết định 1105 của Chủ tịch UBND tỉnh B được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Luật khiếu nại năm 2011.

[4.2]. Về nội dung của các Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[4.2.1]. Về nguồn gốc đất: Xét lời khai của bà Lê Thị H phù hợp với “Giấy ủy quyền đất” viết tay ngày 28/3/1976 của bà Kim Thị G, được UBND phường Phước Thắng xác nhận ngày 16-6-1978 và Giấy xác nhận quyền sở hữu nhà ở số 45/XN/XD ngày 15-02-1985 (BL 34) có cơ sở xác định: Nguồn gốc đất do cha mẹ bà Lê Thị Huệ và Nguyễn Thị N là ông Lê B và bà Huỳnh Thị K nhận chuyển nhượng từ bà Kim Thị G vào ngày 28-3-1976, diện tích 570m² (10m x 57m) tại số 53A, quốc lộ 15, khóm P, phường P, Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo (nay là số 943 đường 30/4, phường 1x, thành phố V).

[4.2.2]. Vị trí đất: Theo “Giấy ủy quyền đất” xác định: phía Đông giáp quốc lộ 15 dài 10m, phía Tây giáp đất bà Kim Thị G dài 10m; phía Bắc và phía Nam giáp đất bà Kim Thị G, dài 57m (BL 30).

[4.2.3]. Quá trình sử dụng đất: Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông Lê B và bà Huỳnh Thị K đã làm nhà ở ngay trong năm 1976, được Sở xây dựng đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo cấp Giấy xác nhận quyền sở hữu nhà ở số 45/XN/XD ngày 15-02-1985 (BL 34). Đến năm 1987 thì ông Lê B, bà Huỳnh Thị K sửa lại căn nhà và sử dụng cho đến nay. Bà Huỳnh Thị K có đứng tên đăng ký tại Sổ mục kê Phường 11 vào năm 1993 đối với Thửa đất số 80, tờ bản đồ 35, diện tích 584 m² loại đất “TC + nhân” (thổ cư và nhân). Năm 2002, bà Nguyễn Thị N (con ông Lê B, bà Huỳnh Thị K) đứng tên đăng ký tại Sổ mục kê Phường 11: Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 35 (thửa cũ 80, tờ bản đồ cũ 35), diện tích 645,7 m², loại đất “T+M”.

[4.3]. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, quá trình xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà H nêu trên. Xét thấy, lời khai của người khởi kiện về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, phù hợp với biên bản thẩm định tại chỗ

ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có cơ sở xác định gia đình bà H sử dụng diện tích đất 645,7 m² trên cơ sở giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 1976, được UBND Phường 1X xác nhận là đã sử dụng đất trước ngày 15- 10-1993, hiện trạng trên đất có nhà ở từ năm 1976. Gia đình bà H sử dụng đất ổn định, liên tục, không có tranh chấp trước khi có quy hoạch lòng lề đường 30/4 được phê duyệt tại Quyết định số 9399/QĐ-UBND ngày 25-11-2002 của UBND tỉnh B nên đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

[4.4] Diện tích đất bà N, bà H bị thu hồi là 22,6 m² nằm trong diện tích đất 645,7 m² nói trên đã từng được bà N đứng tên đăng ký tại Sổ mục kê Phường 11 năm 2002 và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vũng Tàu đã từng xác nhận vào năm 2011 là đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 645,7m² gồm 450m² đất ở và 195,7m² đất nông nghiệp. Cho đến ngày 21-10-2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành Phố Vũng Tàu mới ban hành Thông báo số 4681/TB-TNMT về việc hủy bỏ nội dung xác nhận nêu trên.

Do đó, đơn kháng cáo của UBND thành phố V cũng như ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V cho rằng diện tích đất thu hồi 22,6 m² thuộc quy hoạch mở rộng đường 30/4 được phê duyệt tại Quyết định số 9399/QĐ-UBND ngày 25-11-2002 của UBND tỉnh B, nằm ngoài diện tích nhận chuyển nhượng từ bà Kim Thị G vào năm 1976, nằm ngoài diện tích đất kê khai đăng ký năm 1993 và việc sử dụng đất là lấn chiếm đường giao thông, không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ nên bà H, bà N không đủ điều kiện được bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất và công trình vật kiến trúc trên đất là không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về nội dung Quyết định 6344 và Quyết định 1105: Như đã phân tích ở trên, Quyết định 391 là trái pháp luật do không bồi thường cho bà H, bà N. Do đó Quyết định 6344 (là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Quyết định 391) và Quyết định 1105 (là quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với Quyết định 391) với cùng nội dung bác đơn khiếu nại của bà H cũng trái quy định của pháp luật. Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ tịch UBND tỉnh B đề nghị giữ y các quyết định này là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Từ sự phân tích trên, xét thấy Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2021/HC-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã giải quyết chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7]. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Ủy ban nhân dân thành phố V không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V. Cần giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[8]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo - Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 75, 79, 89 và điểm d khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 63/2021/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H:

Hủy Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường;

Hủy Quyết định số 6344/QĐ-UBND ngày 05-12-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ bà Nguyễn Thị N- Lê Thị H ;

Hủy Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 05-5-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của hộ bà Nguyễn Thị N- Lê Thị H.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi, bồi thường về đất và tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị N và bà Lê Thị H đối với diện tích đất 22,6 m² thuộc thửa 07, tờ bản đồ số 38 (thửa cũ 80, tờ bản đồ cũ 35) tại số 943 đường 30/4, Phường 1x, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định của pháp luật.

1.2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Ủy ban nhân dân tỉnh B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) UBND thành phố V đã nộp theo biên lai thu số 0000112 ngày 05/01/2022 tại Cục Thi hành án

dân sự tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Sau khi cân trù, UBND thành phố V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (1);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, 15b, PMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa